

(Đề thi có 03 trang)

Họ tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề : 114

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Các tổ chức nào sau đây là tổ chức liên kết khu vực .

- A. EU, APEC. B. NAFTA, IMF. C. ASEAN, WB. D. WTO, ASEAN.

Câu 2. Các nước có thu nhập ở mức thấp hiện nay hầu hết đều ở:

- A. châu Âu. B. Bắc Mỹ. C. Bắc Á. D. châu Phi.

Câu 3. Phía Tây của Mỹ La tinh chủ yếu có dạng địa hình nào sau đây?

- A. Vùng trũng. B. Núi cao. C. Đồng bằng. D. Núi thấp.

Câu 4. Giải pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững ở các quốc gia là

- A. phát huy vai trò các tổ chức năng lượng quốc tế.
B. chủ động kiểm soát tốt việc sử dụng năng lượng.
C. tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo
D. hạn chế tốt việc sử dụng các nguồn năng lượng.

Câu 5. Biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế là

- A. gia tăng số lượng của các tổ chức khu vực trên thế giới.
B. hình thành và phát triển các tổ chức kinh tế toàn cầu.
C. hợp tác khu vực ngày càng đa dạng và phát triển.
D. gia tăng quy mô của các tổ chức khu vực trên thế giới.

Câu 6. Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến.

- A. sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau.
B. sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.
C. các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn.
D. ít phụ thuộc lẫn nhau hơn giữa các nền kinh tế.

Câu 7. Các nước đang phát triển thường có.

- A. tỉ lệ sinh rất thấp. B. chỉ số HDI còn thấp.
C. cơ cấu dân số già. D. GNI/người rất cao.

Câu 8. Ở các nước phát triển, lao động chủ yếu tập trung vào ngành nào sau đây?

- A. Lâm nghiệp. B. Công nghiệp. C. Nông nghiệp . D. Dịch vụ.

Câu 9. Phần lớn lãnh thổ Mỹ La tinh khí hậu có tính chất

- A. lạnh khô. B. lạnh ẩm. C. nóng ẩm. D. nóng khô.

Câu 10. Quy mô dân số đông đem lại thuận lợi nào sau đây cho nền kinh tế Mỹ La tinh?

- A. Có nhiều việc làm mới. B. Thu nhập người dân tăng.
C. Nguồn lao động dồi dào. D. Chất lượng lao động cao.

Câu 11. Dân cư Mỹ La-tinh có đặc điểm nào sau đây?

- A. Tỉ suất nhập cư lớn B. Cơ cấu dân số vàng.
C. Dân số đang trẻ hóa. D. Gia tăng dân số thấp.

Câu 12. Phát biểu nào đúng về vị trí địa lí của Mỹ La-tinh?

- A. Nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương B. Phía Tây tiếp giáp Đại Tây Dương.
C. Tiếp giáp Thái Bình Dương và Đại Tây Dương. D. Phía Đông giáp Thái Bình Dương.

Câu 13. Các công ty đa quốc gia **không** có vai trò nào sau đây?

- A. Chi phối mạnh đến các chuỗi giá trị toàn cầu.
B. Ngày càng mở rộng về phạm vi hoạt động.

C. Góp phần liên kết các quốc gia lại với nhau.

D. Làm gia tăng số lượng các tổ chức khu vực.

Câu 14. Các nước trên thế giới phân chia thành nước phát triển và đang phát triển dựa trên các tiêu chí chủ yếu nào sau đây?

A. Quy mô GDP, cơ cấu dân số, tuổi thọ.

B. GNI/người, cơ cấu kinh tế, chỉ số HDI.

C. Dân tộc, tôn giáo, trình độ học vấn.

D. Diện tích lãnh thổ, nguồn tài nguyên.

Câu 15. Quá trình đô thị hóa ở Mỹ La tinh có ý nghĩa nào sau đây?

A. thuận lợi để khai thác hiệu quả tài nguyên.

B. thúc đẩy sự phát triển công nghiệp và dịch vụ.

C. gia tăng tính đa dạng và đặc sắc của văn hóa.

D. phổ biến rộng lối sống nông thôn trong dân cư.

Câu 16. Giải pháp quan trọng nhất để đảm bảo an ninh lương thực cho các nước là

A. phát huy vai trò của các tổ chức.

B. sản xuất nông nghiệp bền vững.

C. tập trung phát triển lương thực.

D. cứu trợ nhân đạo khẩn cấp.

Câu 17. Mỹ La tinh là khu vực thu hút đông khách du lịch chủ yếu là do

A. lao động trẻ đông, cơ sở hạ tầng tốt.

B. thiên nhiên đa dạng, văn hóa đặc sắc.

C. môi trường chính trị, xã hội ổn định.

D. giá dịch vụ du lịch rẻ, chất lượng cao.

Câu 18. Tổ chức nào sau đây có vai trò thúc đẩy tăng trưởng thương mại và dịch vụ trên thế giới?

A. ASEAN.

B. WTO.

C. UN.

D. IMF.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: HDI là thước đo tổng hợp phản ánh sự phát triển của con người trên các phương diện: sức khỏe, học vấn, thu nhập. Dựa vào chỉ tiêu này, Liên hợp quốc phân chia các nước thành nước có HDI rất cao (từ 0,800 trở lên), cao (từ 0,700 đến dưới 0,800), trung bình (từ 0,550 đến dưới 0,700) và thấp (dưới 0,550). (Trích SGK – Kết nối tri thức, trang 5- NXB Giáo dục Việt Nam).

a) HDI là một chỉ tiêu phân loại trình độ phát triển giữa các nhóm nước.

b) Một trong những thước đo trình độ học vấn là số năm đi học của người trên 25 tuổi.

c) HDI cao thì tuổi thọ trung bình cao.

d) Theo Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP), Việt Nam hiện đang xếp hạng HDI thuộc nhóm trung bình.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ THƯƠNG MẠI VÀ GDP TOÀN THẾ GIỚI, GIAI ĐOẠN 1990 -2020

(Đơn vị: tỷ Đô-la Mỹ)

| Năm | 1990 | 2000 | 2010 | 2020 |
|--------------------|----------|----------|----------|----------|
| Giá trị thương mại | 8 766,0 | 16 038,5 | 37 918,9 | 44071,3 |
| Giá trị GDP | 22 779,9 | 33 830,8 | 66 596,0 | 84 906,8 |

(Nguồn: Ngân hàng thế giới, 2022)

a) Thương mại phát triển chứng tỏ toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực kinh tế.

b) Tốc độ tăng trưởng giá trị GDP cao hơn tốc độ tăng trưởng giá trị thương mại.

c) Biểu đồ thích hợp nhất thể hiện giá trị thương mại và giá trị GDP toàn thế giới giai đoạn 1990-2020 là biểu đồ miền.

d) Giá trị thương mại và giá trị GDP đều tăng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

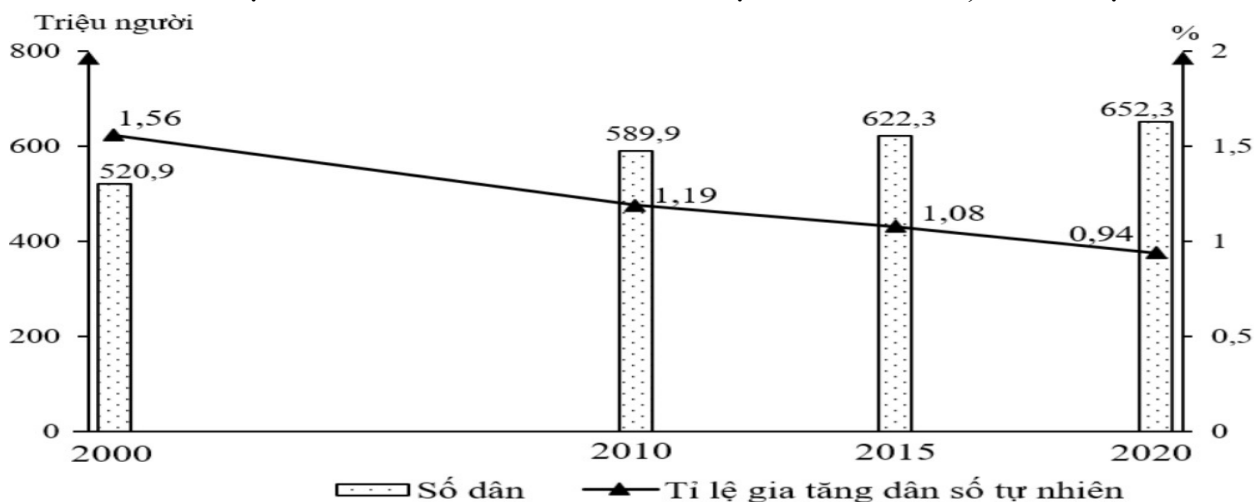
Hội nhập kinh tế quốc tế đã đưa Việt Nam vào top 20 nền thương mại hàng hóa lớn nhất thế giới vào năm 2021 và đứng thứ 17 trên thế giới về xuất khẩu. Với lợi thế về điều kiện tự nhiên, Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn nhất thế giới, xuất khẩu tiêu và quế đứng thứ hai thế giới. Ngoài ra, với lợi thế về nguồn lao động và ưu đãi từ các chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, Việt Nam đã thu hút được hơn 15,66 tỉ USD vốn FDI năm 2021.

(Nguồn: Bộ kế hoạch và đầu tư Việt Nam)

- a) Việt Nam là quốc gia xuất khẩu dừa và hạt điều lớn trên thế giới.
b) Việt Nam lọt vào top 20 nền thương mại hàng đầu thế giới năm 2021.
c) Sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là của vùng ôn đới.
d) Việt Nam thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhờ lợi thế về nguồn lao động.

Câu 4. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ GIA TĂNG DÂN SỐ CỦA KHU VỰC MỸ LA TINH, GIAI ĐOẠN 2000-2020



(Nguồn: Ngân hàng thế giới, 2022)

- a) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên ở Mỹ La tinh đã giảm nhưng dân số vẫn tăng thêm.
b) Bùng nổ dân số đang diễn ra mạnh mẽ ở Mỹ La tinh.
c) Mỹ La tinh là khu vực có quy mô dân số đông.
d) Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên giảm đã thúc đẩy quá trình già hóa dân số ở Mỹ La tinh.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 3.

Câu 1. Năm 2020, trị giá xuất khẩu của thế giới là 22 350,6 tỉ USD, trị giá nhập khẩu là 21 720,7 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng xuất khẩu trong tổng trị giá xuất nhập khẩu của thế giới năm 2020 (làm tròn đến hàng đơn vị %).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA ACHENTINA, NĂM 2017

(Đơn vị: triệu người)

| Năm | 2017 |
|--------------------|------------|
| Từ 0 đến 14 tuổi | 11 202 462 |
| Từ 15 đến 64 tuổi | 28 035 921 |
| Từ 65 tuổi trở lên | 4 860 589 |

Căn cứ vào bảng số liệu, tính tỉ trọng nhóm tuổi từ 15 đến 64 tuổi trong tổng số dân Achentina. (lấy kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất của %)

Câu 3. Biết diện tích Pê-ru 1280 nghìn km², dân số là 33 400 nghìn người (năm 2022). Hãy cho biết mật độ dân số của Pê-ru năm 2022 là bao nhiêu người/ km² (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của người/km²)

----HẾT---